TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 4 – NGHỆ AN	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS -ST
Ngày: 26- 01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Huyền và bà Nguyễn Thị Hồng Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ H Phương, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 87/2025/TLST - HS ngày 17 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc H (tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/12/1966 tại xã QL, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Thôn 3 QN, xã QL, tỉnh Nghệ An; căn cước công dân số 040066009117; nghề nghiệp: Nhân viên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Ngọc Q (đã chết) và bà Đặng Thị Hồng S (đã chết); vợ: Hồ Thị N, sinh năm 1963, con: Có 3 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Bảo hiểm xã hội Khu vực VII

Đại diện theo pháp luật: Ông Hng Văn M, chức vụ: Giám đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Viết T, chức vụ: Phó giám đốc; vắng mặt

Địa chỉ: Phòng 706, toà 11 tầng, chung cư HT, xóm XX, phường HL, tỉnh Nghệ An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hồ Ngọc H, sinh năm 1960; vắng mặt
- Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1966; vắng mặt
- Anh Hồ Đình Q, sinh năm 1977; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn 8 QN, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Ông Hồ Nghĩa Q, sinh năm 1981; có mặt

Địa chỉ: Thôn VT, xã QA, tỉnh Nghệ An.

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1986; vắng mặt

Địa chỉ: Khối 5, phường VP, tỉnh Nghệ An.

- Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1978; vắng mặt

Địa chỉ: Khối 3 ĐC, phường TV, tỉnh Nghệ An.

- Bà Lê Thị D, sinh năm 1977; vắng mặt

Địa chỉ: Khối 9, phường TV, tỉnh Nghệ An.

- Chị Trần Thị B, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: Thôn TY, xã QA, tỉnh Nghệ An.

- Chị Đặng Thị N, sinh năm 1990; có mặt

Địa chỉ: Thôn 5 CG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Lê Thị Liên, sinh năm 1989; có mặt

Địa chỉ: Thôn 1 CG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Lê Thị L, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: Thôn 10 CG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Anh Đinh Trọng N, sinh năm 1993; có mặt

Địa chỉ: Thôn NT, xã QP, tỉnh Nghệ An.

- Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1986; có mặt

Địa chỉ: Tổ dân phố TN, phường QM, tỉnh Nghệ An.

- Chị Hồ Thị K, sinh năm 1994; có mặt

Địa chỉ: Thôn YT, xã QA, tỉnh Nghệ An.

- Chị Trần Thị N, sinh năm 1979; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn TY, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Đậu Thị H, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: Thôn 1 QG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Hng Thị L, sinh năm 1979; có mặt

Địa chỉ: Thôn 2 CG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Dương Thị H, sinh năm 1981; có mặt

Địa chỉ: Thôn ĐT, xã QA, tỉnh Nghệ An.

- Chị Trương Thị Huyền N, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ: Thôn 3 CG, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Chị Lê Thị Vân A, sinh năm 1989; vắng mặt

Địa chỉ: Xóm TT, xã HC, tỉnh Nghệ An.

- Anh Đào Nguyên T, sinh năm 1973; có mặt

Địa chỉ: Khối TĐ, phường TM, tỉnh Nghệ An.

-Anh Ngô Văn H, sinh năm 1979, có mặt

Địa chỉ: Thôn TY, xã QL, tỉnh Nghệ An.

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1940; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn 2 QN, xã QL, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01/01/2015 đến tháng 31/12/2024, Trịnh Ngọc H ký kết Hợp đồng thuê khoán phát xã với Bưu điện Quỳnh Lưu với nhiệm vụ là giao nhận thư, chuyển bưu phẩm, bưu kiện, công văn, tài liệu cho Bưu điện huyện tại khu vực xã QN(nay là xã Quỳnh Lưu), tỉnh Nghệ An với mức trọng lượng theo quy định và thực hiện một số công việc khác như bán sản phẩm hàng hóa hoặc công việc khác theo yêu cầu của Bưu điện. Ngoài ra, cố định một ngày trong tháng, Trịnh Ngọc H phối hợp với nhân viên của Bưu điện huyện để đọc tên những người được hưởng chế độ để nhân viên Bưu điện trực tiếp phát chế độ chính sách cho người được thụ hưởng trên địa bàn còn H hướng dẫn người thụ hưởng ký vào danh sách chứng từ nhận tiền chế độ. Trong đó, có ông Ngô Xuân T (sinh năm 1938, trú tại thôn 2 QN, xã QL là giáo viên nghỉ hưu và được nhận chế độ hưu trí hàng tháng). Ngày 07/09/2015, ông T chết thì H đến gặp bà Trần Thị T (là vợ ông T) để yêu cầu gia đình bà T làm thủ tục báo tử cho ông T với mục đích ngừng chi trả chế độ hưu trí cho ông T. Do ông T là đối tượng hưu trí nên H nói với bà T về việc nộp giấy chứng tử của ông T cho Bảo hiểm xã hội để được nhận chế độ mai táng phí. Do không nắm được quy trình làm hồ sơ giải quyết chế độ mai táng phí nên bà T đã nhờ H làm hồ sơ nhận tiền mai táng phí cho gia đình.

Ngày 07/9/2015, gia đình bà Trần Thị T làm xong thủ tục khai tử cho ông T. Sau đó, H đến Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Lưu (nay là Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Mai) để hỏi thủ tục kê khai nhận chế độ. Tại đây, H được anh Hồ Nghĩa Q (là nhân viên bộ phận một cửa) hướng dẫn thủ tục nhận chế độ gồm 02 bản sao giấy chứng tử và 02 tờ khai nhân thân theo mẫu số 09A –HSB và xin xác nhận của UBND xã, phường, thị trấn. Anh Q có hướng dẫn thêm nếu thân nhân không có thu nhập hoặc thu nhập thấp dưới mức lương tối thiểu chung thì kê khai cùng biểu mẫu để hưởng hỗ trợ tiền tử tuất hàng tháng. Lúc này, H biết rõ bà Trần Thị T là y tá xã QNnghỉ hưu và được hưởng chế độ hưu xã với số tiền 1.285.000 đồng/tháng nên không thuộc diện đối tượng được hưởng chế độ tiền tử tuất hàng tháng. Tuy nhiên, do H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền tử tuất nên đã lợi dụng vào sự tin tưởng của bà T cũng như việc không nắm rõ quy trình, thủ tục đăng ký hồ sơ giải quyết chế độ của bà T mà khi làm chế độ thanh toán mai táng phí thì H đã kèm thêm thủ tục hưởng chế độ tử tuất hàng tháng dưới tên người thụ hưởng là bà Trần Thị T để chiếm đoạt. Quá trình làm thủ tục nhận tiền mai táng phí thì H tự viết vào biểu mẫu kê khai với nội dung bà T "có nguồn thu nhập từ ruộng lúa, nghề nghiệp: Nông nghiệp, mức thu nhập hàng tháng là 300.000 đồng" và nội dung: "Trần Thị T là người được hưởng chế độ tử tuất hàng tháng". Sau đó, H đưa tờ kê khai này cho bà T ký mà không nói cho bà T biết đây là tờ kê khai để hưởng tiền tử tuất hàng tháng nên bà T nghĩ là kê khai để hưởng chế độ mai táng phí. Ngày 01/10/2015, H và bà T đến UBND xã QN(cũ) để xin xác nhận. Khi đến UBND xã QNthì cùng vào phòng làm việc của anh Hồ Ngọc H (là Phó Chủ tịch UBND xã). Tại đây, H nói với anh H: "Ông T chồng bà T chết, nhờ anh ký hồ sơ để gia đình bà T nhận chế độ mai táng phí". Do anh H biết ông T là giáo viên nghỉ hưu đã chết và tin tưởng H là nhân viên bưu điện thường xuyên phát lương và chế độ chính sách cho người dân trên địa bàn và muốn hoàn thiện thủ tục cho người dân được hưởng chế độ nên anh H đã đồng ý xác nhận vào tờ kê khai.

Sau khi thu thập đầy đủ các giấy tờ liên quan thì H đã đưa 02 bản sao giấy chứng tử và 02 tờ khai thân nhân đến bộ phận một cửa của Bảo hiểm xã hội Quỳnh Lưu (cũ) để nộp cho anh Hồ Nghĩa Q. Khi tiếp nhận hồ sơ, anh Q kiểm tra sơ bộ hồ sơ Bảo hiểm của ông Ngô Xuân T lưu trữ tại Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Lưu (cũ) thì thấy trong quyết định hưu trí của ông T có ghi dưới mục: "HN CẢNH GIA ĐÌNH – họ tên vợ hoặc chồng: Trần Thị T nghề nghiệp: Y tá, năm sinh 1941". Do năm sinh của bà T trên Quyết định hưu trí và tờ khai thân nhân khác nhau nên anh Q đã hướng dẫn H

đến UBND xã QNđể xác nhận hai người là một. Sau đó, H đến quán Photocopy trên địa bàn thị trấn Cầu Giát (cũ) nay là xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An để thuê đánh máy nội dung đơn xin xác nhận rồi đưa cho bà T ký. Ngày 02/10/2015, H cùng bà T đến trụ sở UBND xã QN(cũ) để xin xác nhận và đưa tài liệu này đến Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Lưu (cũ) để nộp. Tại đây, H đề nghị Cơ quan Bảo hiểm xã hội gửi các tài liệu theo đường bưu điện để người nhà đối tượng nhận được.

Ngày 20/10/2015, anh Q đã tổng hợp các tài liệu, đóng dấu hồ sơ và ký xác nhận để chuyển về Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An (nay là Bảo hiểm xã hội khu vực VII). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, chị Nguyễn Thị N (là Chuyên viên) và chị Trần Thị Minh H (là Phó Trưởng phòng) của Phòng Chế độ Bảo hiểm xã hội khu vực VII đã tiến hành kiểm tra, thẩm định lại hồ sơ. Dựa trên hồ sơ Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Lưu (cũ) đã rà soát, kết quả kiểm tra dữ liệu trên phần mềm quản lý đối tượng Bảo hiểm xã hội thì không có dữ liệu liên quan đến đối tượng Trần Thị T, kiểm tra mẫu tờ khai thì đã được UBND xã QNký xác nhận. Do đó, ngày 09/11/2015, chị N và chị H đã soạn thảo, tham mưu Quyết định số 401511110/QĐ-BHXH về việc Quyết định hưởng trợ cấp mai táng và Quyết định số 401511112/QĐ-BHXH về việc Quyết định hưởng chế độ tử tuất hàng tháng cho đối tượng thụ hưởng mang tên Trần Thị T để trình bà Lê Thị D (là Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An) ký ban hành. Sau đó, các Quyết định này được chuyển về cho Bảo hiểm xã hội Quỳnh Lưu (cũ) và được anh Q gửi qua đường bưu điện cho bà T theo địa chỉ thông tin trên Quyết định. Từ ngày 01/10/2015 đến năm 2024, Bảo hiểm xã hội khu vực VII và Bưu điện tỉnh Nghệ An ký các Hợp đồng ủy quyền chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp và quản lý người hưởng chế độ bảo hiểm xã hội hàng tháng. Theo đó, Bưu điện tỉnh Nghệ An sẽ theo dõi danh sách và số tiền các đối tượng chính sách được thụ hưởng hàng tháng để chuyển cho Bưu điện Quỳnh Lưu thực hiện việc chi trả trên địa bàn.

Ngày 05/12/2015, anh Đào Nguyên T (là nhân viên Bưu điện Quỳnh Lưu) cấp phát chế độ trên địa bàn xã QN(cũ) thì H là người đọc tên những người được hưởng chế độ theo danh sách để nhận tiền. Lúc này, H biết được bà T đã có tiền chế độ tử tuất hàng tháng. Do có một số đối tượng thụ hưởng bận hoặc ốm đau không trực tiếp đến nhận tiền chế độ thì anh T đã giao tiền cho H để H trả cho người thụ hưởng. Khi giao nhận tiền thì H ký vào danh sách để Hn trả lại chứng từ cho anh T. Lợi dụng sự tin tưởng và sơ hở thiếu sót trong quá trình chi trả, cấp phát của nhân viên Bưu điện huyện Quỳnh Lưu, trưa ngày 05/12/2015, H đã nhận tiền chế độ của đối tượng chính sách có

tên Trần Thị T số tiền 1.150.000 đồng (gồm tiền tử tuất được truy lĩnh tháng 10/2015, tháng 11/2015 và tiền tử tuất tháng 12/2015). Số tiền này, H tiêu xài cá nhân hết mà không thông báo cho bà T biết.

Vào ngày 17/12/2015, khi nhận thư từ Bưu điện Quỳnh Lưu, Trịnh Ngọc H nhận được Quyết định hưởng trợ cấp mai táng phí và Quyết định hưởng chế độ tử tuất hàng tháng của Bảo hiểm xã hội Quỳnh Lưu (cũ) gửi cho bà T. Tuy nhiên, H không giao các Quyết định này cho gia đình bà T mà chỉ thông báo cho gia đình bà T biết đã có tiền mai táng phí và nói gia đình đến Bảo hiểm xã hội huyện Quỳnh Lưu để nhận tiền. Do bà T tuổi cao nên nhờ anh Trần Văn T đi nhận thay. Ngày 18/12/2015, H cùng anh T đến Bảo hiểm xã hội Quỳnh Lưu (cũ) để nhận số tiền chế độ mai táng phí của ông Ngô Xuân T là 11.500.000 đồng. Sau đó, anh Thế đã đưa cho bà T toàn bộ số tiền này.

Kể từ đó, cứ đến hàng tháng tiếp theo sau đó, H liên tục lợi dụng sự tin tưởng và sơ hở thiếu sót của 14 nhân viên Bưu điện Quỳnh Lưu gồm: chị Trần Thị B, chị Đặng Thị N, chị Lê Thị L, chị Lê Thị L, anh Đinh Trọng N, anh Bùi Văn Q, chị Hồ Thị K, chị Trần Thị N, chị Đậu Thị H, chị Hoàng Thị L, chị Dương Thị H, chị Trương Thị Huyền N, chị Lê Thị Vân A, anh Đào Nguyên T trong quá trình chi trả, cấp phát, H đã trực tiếp nhận tiền chế độ của đối tượng chính sách có tên Trần Thị T để tiêu xài cá nhân.

Từ năm 2021, theo yêu cầu của Bưu điện Quỳnh Lưu thì đối với các trường hợp nhờ người nhận thay chế độ thì phải có giấy uỷ quyền nên từ năm 2021 đến năm 2024, Trịnh Ngọc H đã tự làm 04 giấy uỷ quyền theo mẫu rồi giả ký tên Trần Thị T (dưới mục bên uỷ quyền) và ký tên Trịnh Ngọc H (dưới mục bên được uỷ quyền) rồi đến UBND xã QN(cũ) để xác nhận. Cụ thể: Vào ngày 01/01/2021, H đến UBND xã QN(cũ) để xin xác nhận nhưng do Lãnh đạo của UBND xã nghỉ nên H đã đến Công an xã QN(cũ) để nhờ ông Nguyễn Văn N (là Phó Trưởng Công an xã Quỳnh Ngọc) ký xác nhận chữ ký trên giấy uỷ quyền. Ngày 5/6/2022, ngày 01/4/2023 và ngày 06/12/2023, H đã đến UBND xã QN(cũ) nhờ ông Hồ Đình Q (là Phó Chủ tịch UBND xã Quỳnh Ngọc) ký xác nhận chữ ký trên giấy uỷ quyền. Do tin tưởng H là nhân viên bưu điện cấp phát chế độ cho người dân trên địa bàn và mong muốn giải quyết nguyện vọng của người hưởng chế độ nên ông N đã ký xác nhận, đóng dấu Công an xã QN(cũ) và ông Q đã ký xác nhận, đóng dấu UBND xã QN(cũ) rồi giao lại cho H. Sau đó, H sử dụng các giấy ủy quyền này để tiếp tục nhận chế độ tử tuất hàng tháng của đối tượng chính sách mang tên Trần Thị T theo Quyết định của Bảo hiểm xã hội tỉnh Nghệ An.

Trên chứng từ chi trả cho đối tượng mang tên Trần Thị T thì H tự ký người nhận và một số tháng thì H nhờ nhân viên Bưu điện ký nhận.

Đến tháng 10/2024, Bưu điện huyện Quỳnh Lưu phối hợp với UBND xã QN(cũ) thông báo và làm thủ tục đăng ký trả tiền chế độ qua tài khoản ngân hàng. Do bà T già yếu nên anh Ngô Văn H (là con trai bà T) đã thay mặt bà T đến làm việc. Tại đây, anh H biết việc H đã nhận chế độ tử tuất hàng tháng của bà T từ năm 2015 đến tháng 9/2024. Sau khi vụ việc bị phát hiện, vào trưa ngày 01/10/2024, H đã đến nhà bà T và đưa cho bà T sổ nhận tiền hàng tháng cùng với số tiền 1.500.000 đồng. Đến ngày 10/01/2025, anh H đã làm đơn tố cáo hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H và gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu (cũ). Ngày 23/01/2025, Bảo hiểm xã hội khu vực VII đã ban hành Quyết định hủy Quyết định hưởng chế độ tử tuất hàng tháng đối với bà T. Ngày 19/8/2025, Bảo hiểm xã hội khu vực VII ủy quyền bằng văn bản cho anh Lê Viết T (là Phó giám đốc Bảo hiểm xã hội khu vực VII) tham gia tố tụng. Qúa trình làm việc, anh T yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, xử lý hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H theo quy định pháp luật.

Qúa trình điều tra xác định: Từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2024, Trịnh Ngọc H đã chiếm đoạt tổng số tiền 78.705.000 đồng của quỹ Bảo hiểm xã hội. Toàn bộ số tiền này, Trịnh Ngọc H đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 02/12/2024, H đã nộp cho Bưu điện Quỳnh Lưu số tiền 75.000.000đ, ngày 02/01/2025 H tiếp tục nộp số tiền 3.000.000đ và ngày 06/01/2025 H tiếp tục nộp số tiền 705.000đ. Tổng số tiền Trịnh Ngọc H đã hoàn trả lại cho Bưu điện Quỳnh Lưu là 78.705.000 đồng. Sau đó Bưu điện Quỳnh Lưu đã chuyển khoản số tiền này vào tài khoản của Bảo hiểm xã hội khu vực VII để khắc phục hậu quả. Đến ngày 21/04/2025, anh Ngô Văn H đã nộp lại số tiền 1.500.000 đồng (do H đưa cho bà T) vào tài khoản tạm giữ của Sở tài chính mở tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An. Ngày 05/9/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tiến hành Lệnh khám xét đối với chỗ ở của Trịnh Ngọc H nhưng không phát hiện và thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ việc.

Ngày 30/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tiến hành thu thập mẫu chữ viết, chữ ký của Trịnh Ngọc H để tiến hành giám định (ký hiệu từ M1 đến M97) để so sánh với mẫu chữ viết, chữ ký đã thu thập được (ký hiệu từ A1 đến A107). Ngày 07/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An tiến hành Trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký đối với Trịnh Ngọc H và bà Trần Thị T. Tại Bản

Kết luận Giám định số 59/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 04/7/2025 của Phòng Kỹ Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

"1. Chữ viết mực màu xanh trừ chữ viết "Trần Thị T" dưới mục "người khai" trên 2 (hai) "TỜ KHAI NHÂN THÂN" ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Chữ viết Trần Thị T dưới mục người khai trên hai tờ "TỜ KHAI NHÂN THÂN" ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do một người viết ra.

2. Chữ ký "T" dưới mục "Bên uỷ quyền", chữ ký H, chữ viết Trịnh Ngọc H dưới mục bên được uỷ quyền trên tờ "GIẤY UỶ QUYỀN" ký hiệu A3; chữ viết "Trần Thị T" dưới mục "Bên uỷ quyền" trên "GIẤY UỶ QUYỀN" ký hiệu A5, chữ ký T dưới mục bên uỷ quyền , chữ ký H, chữ viết Trịnh Ngọc H dưới mục bên được uỷ quyền trên Giấy uỷ quyền ký hiệu A6 so với chữ ký, chữ viết Trịnh ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra. Không đủ cơ sở kết luận chữ viết Trần Thị T dưới mục Bên uỷ quyền trên GIẤY UỶ QUYỀN ký hiệu A5 so với chữ viết của Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng 1 người viết ra hay không.

3. Chữ ký tại cột "Ký nhận (số tài khoản cá nhân)", dòng chữ "Trần Thị T" trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ký hiệu từ A7 đến A9, A11 đến A17, A22 đến A29. A32, A34 đến A37, A36, A42, A43, A44, A46; chữ ký tại cột "Thông tin TK cá nhân/Ký nhận", dòng chữ "Trần Thị T" trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ký hiệu A48, A60, A61, A63, A65, A67 đến A71, A73 đến A81, A83, A85, A87, A88, A92, A94 đến A97, A99 đến A103, A107; chữ ký tại cột D dòng chữ "Trần Thị T" trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hành tháng ký hiệu A54, A55 so với chữ ký của Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng 1 người ký ra.

Chữ ký tại cột ký nhận (số tài khoản cá nhân), dòng chữ "Trần Thị T" trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ký hiệu A18, A20, A21 so với chữ ký Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh không phải do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận: Chữ ký cột ký nhận (số tài khoản cá nhân) dòng chữ Trần Thị T trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ký hiệu A47, chữ ký tại cột "Thông tin cá nhân/Ký nhận", dòng chữ "Trần Thị T" trên các danh sách chi trả lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng ký hiệu A49 đến A53, A56 đến A59, A62, A64, A66, A72, A82, A84, A86, A90, A91, A93, A98,

A104, A105, A106 so với chữ ký Trịnh Ngọc H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M97 có phải do cùng một người ký ra hay không".

Bản cáo trạng số 45/CT- VKSKV4, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Tại phiên toà hôm nay, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị: □p dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc H từ 27 - 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 54 - 60 tháng. Không phạt bổ sung bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu gì nên miễn xét.

Về vật chứng vụ án: Các tài liệu liên quan đến vụ án và 01 USB là tài liệu vụ án nên lưu tại hồ sơ vụ án; trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho bà Trần Thị T.

Ý kiến của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 –Nghệ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa điểm mà bị cáo thực

hiện hành vi chiếm đoạt; có đủ cơ sở kết luận Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2015 đến tháng 9/2024, Trịnh Ngọc H biết rõ bà Trần Thị T là y tá Trạm y tế xã QN(cũ) nghỉ hưu và được hưởng chế độ hưu xã với số tiền 1.285.000 đồng/tháng nên không thuộc diện đối tượng được hưởng chế độ tiền tử tuất hàng tháng. Tuy nhiên, lợi dụng sự tin tưởng và việc không nắm rõ quy trình, thủ tục đăng ký hồ sơ giải quyết chế độ của bà Trần Thị T nên khi làm chế độ thanh toán chế độ mai táng phí cho ông Ngô Xuân T (chết vào ngày 07/9/2015 – là chồng của bà Trần Thị T) thì Trịnh Ngọc H đã sử dụng thủ đoạn gian dối gồm tự kê khai thân nhân hưởng tiền tử tuất, lập giả 04 giấy ủy quyền và ký khống vào các chứng từ chi trả tiền tử tuất hàng tháng dưới tên người thụ hưởng là bà Trần Thị T để liên tiếp chiếm đoạt tiền chế độ tử tuất của quỹ Bảo hiểm xã hội đại diện là Bảo hiểm xã hội khu vực VII tổng số tiền là 78.705.000 đồng (Bảy mươi tám triệu bảy trăm linh năm nghìn đồng).

Đối với bà Trần Thị T do không biết quy trình làm hồ sơ nhận tiền mai táng phí khi ông Ngô Xuân T chết nên bà T đã nhờ bị cáo H làm hồ sơ nhận tiền mai táng phí. Bà T không nhờ H làm hồ sơ để nhận tiền tử tuất hàng tháng nên bà T không đồng phạm với H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Đối với 14 nhân viên Bưu điện Quỳnh Lưu gồm: chị Trần Thị B, chị Đặng Thị N, chị Lê Thị L, chị Lê Thị L (sinh năm 1980), anh Đinh Trọng N, anh Bùi Văn Q, chị Hồ Thị K, chị Trần Thị N, chị Đậu Thị H, chị Hng Thị L, chị Dương Thị H, chị Trương Thị Huyền N, chị Lê Thị Vân A và anh Đào Nguyên T: Từ tháng 12/2015 đến tháng 9/2024 được phân công trực tiếp chi trả tiền chế độ cho người được hưởng chế độ chính sách bảo hiểm, hưu trí trên địa bàn xã QN(cũ). Cuối buổi phát chế độ hàng tháng, người có tên Trần Thị T không có mặt tại nơi nhận, do tin tưởng H (là nhân viên hợp đồng khoán của Bưu điện là người địa bàn) nên các nhân viên bưu điện trên đã nhờ H chuyển giúp chế độ cho người được thụ hưởng. Các nhân viên Bưu điện trên không biết được hành vi phạm tội của H và trong quá trình chi trả không được hưởng khoản tiền hay lợi ích vật chất gì từ H. Do vậy, không có căn cứ xác định 15 nhân viên bưu điện này đồng phạm với H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặt khác, hành vi phạm tội của H gây thiệt hại cho Bảo hiểm xã hội dưới 100.000.000 đồng nên hành vi của 15 nhân viên Bưu điện này không đủ yếu tố cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự.

Đối với ông Hồ Ngọc H (Phó Chủ tịch UBND xã QN cũ), ông Hồ Đình Q (Phó Chủ tịch UBND xã QN cũ) và ông Nguyễn Văn N (Phó Trưởng Công an xã QN cũ) là

những người đã ký xác nhận vào tờ khai thân nhân và các giấy ủy quyền do Trịnh Ngọc H cung cấp mà không đọc kỹ nội dung. Tuy nhiên, ông H, ông Q và ông N không được hưởng bất kỳ lợi ích gì, không bàn bạc với H để chiếm đoạt tiền Bảo hiểm xã hội. Do vậy, không đủ căn cứ xác định ông H, ông Q và ông N đồng phạm với ông H về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi thiếu trách nhiệm của ông H, ông Q và ông N là nguyên nhân gián tiếp gây nên thiệt hại cho quỹ Bảo hiểm xã hội nhưng số tiền hiệt hại dưới 100.000.000 đồng nên hành vi của ông Hng, ông Q và ông N không cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Hồ Nghĩa Q; chị Nguyễn Thị N, chị Trần Thị Minh H, chị Lê Thị D trong quá trình tiếp nhận giải quyết chế độ cho đối tượng mang tên Trần Thị T không biết về hành vi phạm tội của H; không bàn bạc với H để chiếm đoạt tiền quỹ bảo hiểm, không được hưởng bất kỳ khoản lợi ích cá nhân gì. Do đó, không đủ căn cứ xác định những người này đồng phạm với Trịnh Ngọc H về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Mặt khác, qúa trình điều tra xác định, việc tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và ban hành Quyết định chi trả chế độ tử tuất hàng tháng cho đối tượng mang tên Trần Thị T là chưa chặt chẽ. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của H gây thiệt hại cho Bảo hiểm xã hội dưới 100.000.000 đồng nên hành vi của Hồ Nghĩa Q, chị Nguyễn Thị N, chị Trần Thị Minh H và chị Lê Thị D không đủ cấu thành tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng được quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự.

Đối với bà Hồ Thị N (là vợ của H), quá trình điều tra xác định bà N không được H bàn bạc, thỏa T về việc thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và số tiền H đã chiếm đoạt thì do H một mình sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân chứ bà N không được nhận số tiền này. Do đó, bà N không phạm tội.

Quá trình phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do không muốn lao động chân chính nên đã thực hiện tội phạm nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Trịnh Ngọc H phạm tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tội phạm và khung hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc tr- ờng hợp nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ, ảnh h- ởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình th- ờng của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản cần thiết phải xử phạt nghiêm với mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị, t- ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[4] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; khắc phục hậu quả; bị cáo có mẹ đẻ có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến; tại thời điểm xét xử bị cáo là người cao tuổi. Do đó, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có địa chỉ và nơi c- trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo như Viện kiểm sát đề nghị cũng đủ niềm tin để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người cao tuổi nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên miễn xét.

[7] Về vật chứng vụ án: Các giấy tờ liên quan đến vụ án và 01 USB là tài liệu vụ án nên lưu tại hồ sơ vụ án; trả lại số tiền 1.500.000 đồng cho bà Trần Thị T.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUY□T □□NH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

2. Xử phạt: Bị cáo Trịnh Ngọc H 27 (Hai mươi bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 (Năm mươi tư) tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

3.Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại 1.500.000 đồng cho bà Trần Thị T (số tiền đã nộp vào Phòng giao dịch số 14, Kho bạc Nhà Nước khu vực X ngày 21/4/2025 tại tài khoản số 394101068597).

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Trịnh Ngọc H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo, đại diện bị hại
- VKSND Khu vực 4;
- Cơ quan THADS tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND Tỉnh Nghệ An
- UBND xã Quỳnh Lưu (để biết)
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Hà